



Original Article

Factors Affecting Students' Study Results in National Defense Education in Vietnam National University, Hanoi

Nguyen Trong Lap^{1,*}, Nguyen Hoanh Son², Nguyen Chi Thanh²

¹VNU National Defense and Security Training Center, Hoa Lac, Thach That, Hanoi, Vietnam

²VNU University of Education, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 04 October 2023

Revised 20 October 2023; Accepted 21 October 2023

Abstract: Using factor analysis, the research shows that there are five factors affecting students' learning outcomes in the course of Defense and Security Education with the view to promoting students' creativity and problem-solving ability. The findings derived from the linear regression analysis reveal that the instructional methodology employed (with a coefficient of 0.4820) and students' academic diligence (with a coefficient of 0.284) exert the most substantial influence on students' scholastic outcomes. Subsequently, the subsequent factors, ranked in descending order of impact, encompass: the instructional content (with a coefficient of 0.27), pedagogical resources (with a coefficient of 0.203), and students' learning approaches (with a coefficient of 0.114). Employing Exploratory Factor Analysis (EFA) facilitates the determination of: The levels of impacts of these factors on the students' learning outcomes in the course oriented towards creativity and problem-solving ability promotion are varied. To be more specific, the teaching and learning methodology has the strongest influence and is the decisive factor in the students' learning outcomes. The one with the least impact is the students' learning methods. Based on these findings, it is necessary that Vietnam National University, Hanoi offer the Defense and Security Education course with renovated teaching and learning methodology towards students' creativity and problem-solving ability promotion, provoke their proactiveness, positivity and creativity in learning, and focus on increasing their learning awareness to improve the students' learning outcomes in this course.

Keywords: Learning outcomes, learning outcome assessment, creativity, problem-solving ability.

* Corresponding author.

E-mail address: nguyentronglapqpan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4851>

Yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên học phần Công tác Quốc phòng và An ninh tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Trọng Lập^{1,*}, Nguyễn Hoàn Sơn², Nguyễn Chí Thành²

¹Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Hoà Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, Việt Nam

²Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 04 tháng 10 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 10 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 10 năm 2023

Tóm tắt: Bằng việc sử dụng phương pháp phân tích nhân tố, nghiên cứu này chỉ ra: có 5 nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính chỉ ra: phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy (hệ số 0,4820) và Ý thức học tập của sinh viên (hệ số 0,284) có tác động mạnh nhất tới kết quả học tập của sinh viên (hệ số 0,284), tiếp đến lần lượt là các yếu tố: nội dung của học phần (hệ số 0,27), Tài liệu học tập (hệ số 0,203), Phương pháp học tập của sinh viên (hệ số 0,114). Phân tích nhân tố EFA cho phép xác định: các nhân tố nêu trên ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo với những mức độ khác nhau, theo đó, yếu tố “Phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập” là yếu tố tác động mạnh nhất, có ý nghĩa quyết định đến kết quả học tập của sinh viên; yếu tố “Phương pháp học tập của sinh viên” ít có tác động nhất. Nghiên cứu này cho thấy: Đại học Quốc gia Hà Nội cần tổ chức giảng dạy và học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo hướng đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của sinh viên, khơi dậy và phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của sinh viên trong học tập; chú trọng giáo dục ý thức học tập của sinh viên để nâng cao kết quả học tập của sinh viên của học phần này.

Từ khóa: Kết quả học tập; đánh giá kết quả học tập; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1. Đặt vấn đề

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020) [1], học phần Công tác Quốc phòng và An ninh giúp sinh viên hiểu và nắm được những nội dung cơ bản về Công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước, nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; Đấu tranh chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Trang bị

cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; Phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời, học phần này góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung: chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nguyentronglapqpan@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1159/vnuer.4851>

Đảng và nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quốc phòng, an ninh; Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên; Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học; Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh; Hình thành nền nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập [2].

2. Tổng quan nghiên cứu và khung phân tích

2.1. Nghiên cứu về kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học là hoạt động có tính chất tất yếu trong quá trình dạy học, đào tạo nói chung. Trong thực tế, đánh giá kết quả học tập có ảnh hưởng và tác động đến các yếu tố khác của quy trình đào tạo. Khái niệm đánh giá kết quả học tập được định nghĩa ở nhiều góc độ khác nhau. Đánh giá kết quả học tập là xác định mức độ nắm được nội dung kiến thức, hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo của người học so với mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo; gồm cả đánh giá chuyên cần, đánh giá thường xuyên/định kỳ và đánh giá tổng kết [3].

Đo lường kết quả học tập của người học là cơ sở để đánh giá kết quả học tập; được coi là một yếu tố cốt lõi để đạt được chất lượng giáo dục công bằng cho tất cả, dù ở cấp độ lớp học, quốc gia hay quốc tế. Vì lý do này nên nhiều quốc gia đã xây dựng cơ chế đánh giá quy mô lớn cấp quốc gia để theo dõi định kỳ mức độ thành tích của người học. Nhiều nước trong số đó còn tham gia cả các đánh giá quy mô lớn cấp khu vực hoặc cấp quốc tế [4].

Theo Tổ chức đảm bảo chất lượng Giáo dục Đại học của Anh (QAA) (Đàm Quang Vinh, Nguyễn Thị Hải Yến, 2017): “Đánh giá kết quả học tập là việc thiết lập một quá trình đo lường kết quả học tập của sinh viên về các mặt kiến thức đạt được. Đánh giá cung cấp phương pháp, phương tiện làm cơ sở để xếp hạng sinh viên” [5].

2.2. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng

Nguyễn Ngọc Tuấn (2020), năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong học tập là khả năng giải quyết vấn đề nảy sinh trong học tập và để tìm ra những yếu tố mới. Để có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, người học cần được đặt trong tình huống học tập có vấn đề; từ đó, tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhận thức hoặc hành động, đề ra được phương án giải quyết vấn đề có tính mới [6].

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo, năng lực giải quyết vấn đề thể hiện ở khả năng của mỗi cá nhân (khi làm việc một mình hoặc làm việc trong cùng một nhóm) trong việc tư duy, tìm kiếm, thực hiện các giải pháp để giải quyết vấn đề đó. Tính sáng tạo là tính mới trong phương án giải quyết vấn đề. Cho tới nay, khái niệm năng lực, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo có nhiều định nghĩa khác nhau, phản ánh trên các khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng định nghĩa của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong học tập là khả năng giải quyết vấn đề học tập để tìm ra những cái mới ở mức độ nào đó.

Trong những nghiên cứu trước đây, nhiều tác giả đã đề xuất quy trình dạy học phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo trong giảng dạy học phần Công tác Quốc phòng và An ninh gồm các bước sau:

Bước 1: giảng viên lựa chọn bài học thích hợp.

Bước 2: giảng viên thiết kế các bài giảng, video, giao nhiệm vụ qua phiếu học tập cho sinh viên (bao gồm: tìm hiểu các vấn đề học tập; bài tập phát triển năng lực; bài báo cáo kèm sản phẩm báo cáo).

Bước 3: sinh viên nghiên cứu nội dung bài giảng, tài liệu, video ở nhà; hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao theo đúng kế hoạch.

Bước 4: sinh viên thực hành, thảo luận nhóm, trao đổi với nhau và với giảng viên trên lớp.

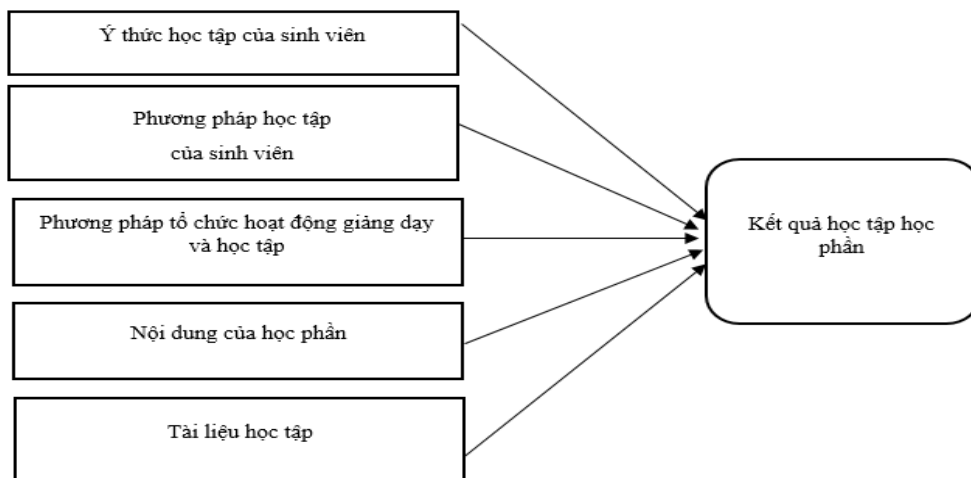
Bước 5: giảng viên trao đổi kết luận các vấn đề học tập của bài học.

Đây là quy trình chung của dạy học học phần Công tác Quốc phòng và An ninh để nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho sinh viên [7]. Ở bước 2, giảng viên đưa ra yêu cầu về việc giải quyết các vấn đề học tập, nêu mục tiêu kiến thức cần đạt được. Sau khi các vấn đề học tập được sinh viên thực hiện ở bước

3 và 4, sản phẩm của bài học được cả lớp cùng tìm hiểu, thảo luận và cho ý kiến nhận xét. Như vậy, quá trình học tập theo 5 bước trên sẽ giúp sinh viên có cơ hội rèn luyện được nhiều kỹ năng, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo [8].

2.3. Khung phân tích

Kế thừa nghiên cứu các tác giả đi trước, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu sau:



Hình 1. Khung phân tích các yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, quy trình nghiên cứu cụ thể như sau:

Bước 1. Nghiên cứu sơ bộ. Sản phẩm của nghiên cứu sơ bộ là thang đo nháp.

Bước 2. Nghiên cứu chính thức sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích mô hình hồi quy tuyến tính bội. Bản hỏi nháp được điều chỉnh và áp dụng cho nghiên cứu tại Trung tâm Giáo dục và Quốc phòng và An ninh [9].

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích nhân tố và phân tích kết quả hồi quy để chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của giảng viên Đại học Quốc gia Hà Nội trong giảng

dạy và nghiên cứu; đánh giá các mức độ ảnh hưởng khác nhau của những nhân tố đó [10].

Các dữ liệu thu được sẽ được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 25.0 qua ba bước: i) Đánh giá độ tin cậy và giá trị thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha; ii) Phân tích nhân tố khám phá EFA; iii) Kiểm định mô hình hồi quy tuyến tính bội [11].

Dựa trên nhiều nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực, tác giả đã xây dựng bảng hỏi được thiết kế với các biến quan sát để đo lường 5 khái niệm cũng là 5 biến độc lập trong mô hình và 3 biến quan sát được tập hợp thành 5 yếu tố. Tất cả các khái niệm khi thu thập được đều đạt độ tin cậy về giá trị.

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên trong số sinh viên đăng ký và học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh gồm 186 sinh

viên, trong đó: nữ sinh viên có 121/186 em chiếm tỉ lệ 65,05%; nam sinh viên 65/186 em chiếm tỉ lệ 34,95%. Phiếu khảo sát được thiết kế trên google form và gửi link đến 186 sinh viên nêu trên. Kết quả thu được làm sách dữ liệu, nhập vào phần mềm SPSS và phân tích cho ra các chỉ số định lượng và cho phép rút ra các kết luận khoa học.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

4.1. Xác định các yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả kế thừa các mô hình nghiên cứu và khung lý thuyết của các tác giả: Đàm Quang Vinh (2017), Trần Thị Huế, Nguyễn Đức Dũng (2018), Trần Trung Ninh, Trần Thế Sang, Đoàn Thanh Tường (2019), Nguyễn Thị Hồng Luyến (2016), Bùi Thị Ngọc, Lê Thị Tú Anh (2017) để chỉ ra 5 yếu tố tác động tới kết quả học tập của sinh viên trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh, bao gồm: ý thức học tập của sinh viên; Phương pháp học tập của sinh viên; phương pháp tổ chức giảng dạy và học tập; nội dung học phần; tài liệu học tập. Nhóm tác giả đã thao tác hóa khái niệm để xác định các tham số, biến số (indicator/items) bên trong các yếu tố nêu trên. Sau đó, nhóm tác giả tiến hành xin ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực Giáo dục để chuẩn hóa các tham số, biến số (indicator/items). Kết quả cho thấy: có 22 biến số thuộc biến độc lập và 4 biến số thuộc biến phụ thuộc. Tổng cộng là 26 biến số được đưa đến khảo sát với 5 mức độ khác nhau theo thang Likerts [12-14].

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên trong số sinh viên đăng kí và học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh gồm 186 sinh viên, trong đó: nữ sinh viên có 121/186 em chiếm tỉ lệ 65,05%; nam sinh viên 65/186 em chiếm tỉ lệ 34,95%. Nhóm sinh viên thuộc Trường Đại học Kinh tế có 89/186 người, chiếm tỉ lệ 47,8%; nhóm sinh viên Trường Đại học Giáo dục có 64/186 người chiếm tỉ lệ 34,4% và nhóm sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ có 33/186 người chiếm tỉ lệ 17,8%.

Số lượng sinh viên năm thứ hai có 127/186 người chiếm tỉ lệ 68,2%, số lượng sinh viên năm thứ ba có 59/186 người chiếm tỉ lệ 31,8%.

Ý thức học tập	0,93	0,768	6	Rất tốt
Phương pháp học tập	0,91	0,666	7	Rất tốt
Phương pháp tổ chức giảng dạy và học tập	0,86	0,505	6	Rất tốt
Nội dung học phần	0,76	0,484	3	Tốt
Tài liệu học tập	0,92	0,627	10	Rất tốt

Như vậy, tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận và sẽ được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá tiếp theo.

- Phân tích nhân tố khám phá EFA

Kết quả phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo được đánh giá, các biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng hiệu chỉnh (Corrected Item-Total Correlation) đều > 0,3, độ tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo đều đạt yêu cầu > 0,6. Kết quả của phân tích nhân tố khám phá cho chỉ số KMO = 0,907 (> 0,5), nên phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Đại lượng Chi-square trong kiểm định Bartlett có giá trị lớn với mức ý nghĩa sig = 0,000 (< 0,05). Do đó, các biến quan sát có tương quan với nhau xét trên phạm vi tổng thể.

- Mối tương quan giữa các nhân tố:

Kết quả Bảng 3 cho biết mối tương quan giữa biến phụ thuộc (kết quả học tập) với từng biến độc lập còn lại, cũng như tương quan giữa các biến độc lập với nhau và chúng đều có mức ý nghĩa thống kê (Sig.=0,000). Trong đó "Phương pháp tổ chức giảng dạy và học tập" có tương quan mạnh nhất với hệ số tương quan Pearson là 0,531 - mức tương quan thuận cho thấy sinh viên có sự đồng ý cao về việc nếu có ý được tổ chức giảng dạy và học tập theo hướng phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thì kết quả học tập sẽ được nâng cao. Bên cạnh đó, 4 nhân tố còn lại cũng có sự tương quan thuận và mạnh đến kết quả học tập của sinh viên.

- Phân tích hồi quy tuyến tính (Bảng 2):

Bảng 2. Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính

Biến độc lập	Hệ số		Beta	t	Sig.
	B	Std. Error			
Ý thức học tập (YTHT)	0,482	0,220		2,194	0,029
Phương pháp học tập (PPHT)	0,114	0,038	0,183	3,029	0,003
Phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập (PPTCGD&HT)	0,203	0,062	0,226	3,299	0,001
Nội dung của học phần (NDHP)	0,270	0,078	0,231	3,449	0,001
Tài liệu học tập (TLHT)	0,284	0,083	0,247	3,426	0,001
Biến phụ thuộc: kết quả học tập của sinh viên					
Số mẫu quan sát F	186				
	44,421				
Hệ số R ²	0,469				
Hệ số R ² hiệu chỉnh	0,459				

Để đánh giá mối quan hệ và chiều hướng tác động của các yếu tố đến kết quả học tập của sinh viên, tác giả đã phân tích quy hồi tuyến tính của 5 yếu tố với “Kết quả học tập của sinh viên”:

i) Ý thức học tập của sinh viên; ii) Phương pháp học tập của sinh viên; iii) Phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập; iv) Nội dung của học phần; và v) Tài liệu học tập.

Căn cứ vào Bảng 3, tác giả có được phương trình hồi quy tuyến tính như sau:

$$KQHT = 0,482 + 0,114 * PPHT + 0,203 * TLHT + 0,270 * NDHP + 0,284 * KQHT + 0,220.$$

Như vậy, phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy (hệ số 0,4820) và Ý thức học tập của sinh viên (hệ số 0,284) có tác động mạnh nhất tới kết quả học tập của sinh viên (hệ số 0,284), tiếp đến lần lượt là các yếu tố: Nội dung của học phần (hệ số 0,27), Tài liệu học tập (hệ số 0,203), Phương pháp học tập của sinh viên (hệ số 0,114). Kết quả nghiên cứu này tương đồng với các kết quả nghiên cứu trước đây, đặc biệt là của tác giả N. T. H. Luyen (2016) trong nghiên cứu có tên “Developing Problem-Solving Abilities for Students through Teaching

Integrated Nitrogen Group Topics in Advanced Chemistry 11” khi chỉ ra phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và Ý thức học tập có tác động mạnh nhất tới kết quả học tập của người học.

4.2. Thử nghiệm sử dụng các yếu tố ảnh hưởng trong giảng dạy và đánh giá kết quả học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh

Tác giả tiến hành nghiên cứu trường hợp tại Đại học Quốc gia Hà Nội, thử nghiệm tổ chức việc giảng dạy và học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Việc lựa chọn mẫu để thử nghiệm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật thử nghiệm, đó là: có sự tương đồng về nhận thức, kỹ năng, thái độ và kết quả học tập của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng, các sinh viên thuộc nhóm thử nghiệm sẵn sàng tham gia hoạt động thử nghiệm khoa học khi được đề xuất.

Có thể tổ chức các bài giảng trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo các bước sau đây:

Bước 1: giảng viên cần lựa chọn bài học thích hợp, phù hợp với từng đối tượng người học.

Bước 2: giảng viên thiết kế các bài giảng, video, giao nhiệm vụ qua phiếu học tập cho sinh viên (bao gồm: tìm hiểu các vấn đề học tập; bài tập phát triển năng lực; bài báo cáo kèm sản phẩm báo cáo).

Bước 3: sinh viên nghiên cứu nội dung bài giảng, tài liệu, video ở nhà; hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao trước khi lên lớp theo đúng kế hoạch.

Bước 4: sinh viên thực hành, thảo luận nhóm, trao đổi với nhau và với giảng viên trên lớp.

Bước 5: giảng viên trao đổi, kết luận các vấn đề học tập của bài học.

Với thiết kế 5 bước nêu trên cùng sự đổi mới về phương pháp giảng dạy và học tập theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của sinh viên, kết quả học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh sẽ có những chuyển biến nhất định về chất lượng.

Đánh giá kết quả điểm thi kết thúc học phần Công tác Quốc phòng và An ninh tại lớp đại đội 9, cụ thể như sau:

Bảng 3. Dữ liệu điểm thi kết thúc học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của sinh viên tại lớp đại đội 9

Điểm thi kết thúc học phần Công tác Quốc phòng và An ninh tại lớp đại đội 9					
Điểm số	Số lần		%	% hợp lệ	% tích lũy
		5,4	5	3,4	3,8
	5,7	6	4,0	4,5	8,3
	6,0	12	8,1	9,1	17,4
	6,3	9	6,0	6,8	24,2
	6,6	5	3,4	3,8	28,0
	6,9	9	6,0	6,8	34,8
	7,2	17	11,4	12,9	47,7
	7,5	13	8,7	9,8	57,6
	7,8	20	13,4	15,2	72,7
	8,1	13	8,7	9,8	82,6
	8,4	9	6,0	6,8	89,4
	8,5	2	1,3	1,5	90,9
	8,7	7	4,7	5,3	96,2
	9,0	4	2,7	3,0	99,2
	9,3	1	0,7	0,8	100,0
	Total	132	88,6	100,0	
Missing	System	17	11,4		
Total		149	100,0		

Dữ liệu điểm thi tại Bảng 3 cho thấy: việc tổ chức việc giảng dạy và học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và

sáng tạo với kết quả học tập của sinh viên có nhiều chuyển biến tích cực (phân phối điểm thi chuẩn theo hình tháp chuông ngược, các chỉ số Mean, Std thích hợp với mẫu N=132).

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra: có 5 nhân tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên trong học phần Công tác Quốc phòng và An ninh Công tác Quốc phòng và An ninh theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, đó là: phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và Ý thức học tập của sinh viên có tác động mạnh nhất tới kết quả học tập của sinh viên, tiếp đến lần lượt là các yếu tố: nội dung của học phần, tài liệu học tập, phương pháp học tập của sinh viên. Như vậy, để nâng cao kết quả học tập các học phần Công tác Quốc phòng và An ninh, Đại học Quốc gia Hà Nội cần tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập học phần Công tác Quốc phòng và An ninh theo hướng đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giảng dạy và học tập theo định hướng phát huy năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo của sinh viên, khơi dậy và phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của sinh viên trong học tập; chú trọng giáo dục ý thức học tập của sinh viên để nâng cao kết quả học tập của sinh viên của học phần này. Bên cạnh đó, việc liên tục và thường xuyên bổ sung nội dung của học phần, đa dạng hóa và số hóa nguồn tài liệu học tập, tập huấn về phương pháp học tập cho sinh viên là những điều kiện rất cần thiết và được quan tâm đúng mức.

Tài liệu tham khảo

- [1] Decree 05/2020/TT-BGDĐT Issued by the Ministry of Education and Training on the Implementation of the National Defense and Security Education Program in Pedagogical Colleges, Pedagogical Junior Colleges, and Higher Education Institutions.
- [2] National Defense and Security Education Curriculum Volume 1, Vietnam Education Publishing House Limited Company, Hanoi, 2013.
- [3] N. T. Trieu, N. B. Phu, Current Situation of Applying Information Technology in Assessing Student Learning Outcomes at the Ho Chi Minh City University of Science, Vietnam National University - Ho Chi Minh City, Education Journal, No. 485 (1st Quarter, September 2020), 2020, pp. 49-54.
- [4] L. Q. Thiep, Measurement and Evaluation in Education, University of Education Publisher, 2012.
- [5] D. Q. Vinh, Trends in Applying the Blended Learning Model in University Education and its Feasibility at the National Economics University, Proceedings of the National Scientific Conference Online Education in the Era of the 4th Industrial Revolution, 2017, pp. 25-38.
- [6] N. N. Tuan, Teaching General Chemistry by using the Flipped Classroom Model to Develop Problem-Solving and Creative Abilities for Students in Technical Universities, Education Journal, No. 488 (2nd Quarter - October 2020), 2020, pp. 18-23.
- [7] T. T. Hue, N. D. Dung, Developing Problem-Solving and Creative Abilities for Students through Some Exercises on the Nitrogen Group (Advanced Chemistry 11), Education Journal, 2018, pp. 194-199.
- [8] T. C. Tinh, Developing Student Learning Outcome Assessment Competencies for Mathematics Education Majors, Doctoral Dissertation at Thai Nguyen University of Education, Thai Nguyen University, 2020.
- [9] N. D. Tho, Scientific Research Methods in Business, Labour and Social Publisher Company Limited, 2012.
- [10] R. D. Sharma, J. Jyoti, Job Satisfaction of University Teachers: An Empirical Study, Journal of Services Research, Vol. 9, No. 2, 2009, pp. 51-80.
- [11] P. E. Lester, Development and Factor Analysis of the Teacher Job Satisfaction Questionnaire, TJSQ, 1987.
- [12] T. T. Ninh, T. T. Sang, D. T. Tuong, Teaching Some Non-Metallic Themes in STEM to Develop Problem-Solving and Creative Abilities for Students, 2019.
- [13] N. T. H. Luyen, Developing Problem-Solving Abilities for Students through Teaching Integrated Nitrogen Group Topics in Advanced Chemistry 11, Master's Thesis at University of Education, 2016.
- [14] B. T. Ngoc, L. T. T. Anh, Research on Factors Affecting the Satisfaction Level of Lecturers in

- Universities, Economic Development Journal, Issue 239, May 2017, 2017.
- [15] T. T. T. Oanh, Measures to Develop Faculty to Meet the Advanced Training Program at Universities under Thai Nguyen University - Thai Nguyen University Journal of Science and Technology, 2016.
- [16] N. T. B. Hong, Method of Using Games in Teaching - Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education, 2014.